TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 831/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: M, Khu phố A, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: M, Khu phố A, Khu phố 2A, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn K qua thời gian tìm hiểu được 07 tháng, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyển số 01, đăng ký ngày 16/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đại Mộc, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vì xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quan điểm sống và cách sống cho nên không còn hòa hợp cuộc sống hôn nhân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nữa. Tình trạng hôn nhân cuộc sống của bà và ông K hết sức

trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài thêm sẽ ảnh hưởng đến mục đích quyền lợi về đời sống vợ chồng cũng như con cái và không có khả năng đoàn tụ. Vợ chồng đã cùng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn K.

Về con chung: Bà và ông Đỗ Văn K có 02 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 09/03/2012 và Đỗ Hoàng N sinh ngày 02/02/2017. Hiện đứa trẻ đang sống với bà và ông K. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu câu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn xác định lại các yêu cầu như trên.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Văn K vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầyđủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luậtchưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do hai bên mâu thuẫn, không cùng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống cho nên không còn hòa hợp.Ông K còn có hành vi bạo lực gia đình. Ông K còn có

thái độ bỏ mặc không muốn giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm gia đình. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của bà L được ly hôn với ông K là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp 02 nuôi dưỡng con chung; bà L là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Đỗ Hoàng L, sinh năm 2012 có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà L là có cơ sở chấp nhận và trẻ Đỗ Hoàng N, sinh năm 2017 còn nhỏ cần được mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Đỗ Văn K và ông K đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Đỗ Văn K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Đỗ Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011và có đăng ký kết hôn vào năm 2011.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyển số 01, đăng ký ngày 16/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đại Mộc, tỉnh Quảng Nam có đủ cơ sở để xác định bà L và ông K là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn K của bà Nguyễn Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đỗ Văn K không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà L trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà L yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: bà L và ông K có 02 (Hai) con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 09/03/2012 và Đỗ Hoàng N, sinh ngày 02/02/2017.

Theo bản tự khai ngày 02/01/2019, trẻ Đỗ Hoàng L, sinh năm 2012 có nguyện vọng muốn sống với bà L và trẻ Đỗ Hoàng N, sinh năm 2017 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện trẻ Đỗ Hoàng L đang sống với bà L và ông K, bà L là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà L là có cơ sở. Còn trẻ Hoàng N, sinh ngày 02/02/2017 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, xét cần ổn định tâm lý cho trẻ nên giao trẻ cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Đỗ Hoàng L và trẻ Đỗ Hoàng N cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, bà L không có yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc L xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Đỗ Văn K có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Văn K.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc L và ông Đỗ Văn K (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyển số 01, đăng ký ngày 17/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Cường, huyện Đại Mộc, tỉnh Quảng Nam).

2.2. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 09/03/2012 và cháu Đỗ Hoàng N sinh ngày 02/02/2017. Giao hai con chung là trẻ Đỗ Hoàng L và trẻ Đỗ Hoàng N cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc L về việc không yêu cầu ông Đỗ Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Văn K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0026437 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai và tuyên án vắng mặt bị đơn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Đỗ Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Luyến).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh